TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN QUAN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST Ngày: 10-3-2021 V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và vay nợ chung.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒAÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Hữu An

Ông Hứa Nguyễn Hoàn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Thị Bích - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Vi Doanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 và thông báo thụ lý bổ sung số 109[a]/TB-TLBS ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, vay nợ chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hứa Thị P, sinh năm 1987. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Bị đơn: Anh Triệu Văn C, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Tuấn N, Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 01/2/2021 của ông Dương Quyết T, Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hứa Thị P trình bày:

Chị Hứa Thị P và anh Triệu Văn C đăng ký kết hôn ngày 18/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã A), huyện V và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nhưng trước đó không được tìm hiểu, không yêu nhau mà do hai bên gia đình mai mối, giới thiệu. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường, do anh Triệu Văn C hay uống rượu say nên về vợ chồng hay cãi chửi nhau, đánh nhau. Từ năm 2017 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, anh Triệu Văn C nhiều lần đuổi chị Hứa Thị P ra khỏi nhà. Từ 2018 thì chị Hứa Thị P đi làm công nhân ở Bắc Giang rồi bỏ về sống ở nhà mẹ đẻ ở thôn K, xã A, vợ chồng sống ly thân đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay xác định không còn tình cảm với chồng, chị Hứa Thị P yêu cầu được ly hôn anh Triệu Văn C.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Triệu Thị H, sinh ngày 03/11/2007 và Triệu Văn C2, sinh ngày 12/01/2010. Hiện nay 02 con đang sống cùng anh Triệu Văn C tại thôn P, xã A, huyện V. Khi ly hôn, chị Hứa Thị P yêu cầu anh Triệu Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Triệu Thị H, Triệu Văn C2 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Hứa Thị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 1.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Năm 2007, chị Hứa Thị P đứng tên hộ gia đình vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 35.000.000 đồng, mục đích vay để xây nhà ở tại thôn P, xã A, huyện V, đã trả cho Ngân hàng 18.000.000 đồng, hiện nay còn nợ Ngân hàng 17.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị Hứa Thị P yêu cầu hai vợ chồng mỗi người chịu trách nhiệm trả 8.500.000 đồng nợ gốc và số lãi phát sinh từ khoản nợ gốc này cho Ngân hàng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Triệu Văn C trình bày: Anh Triệu Văn C và chị Hứa Thị P quen biết, kết hôn như chị Hứa Thị P đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung, từ năm 2009 mới phát sinh mâu thuẫn, có cãi nhau nhưng anh Triệu Văn C chưa từng đánh vợ, chỉ có chị Hứa Thị P nhiều lần đánh, tát anh Triệu Văn C. Từ năm 2015, chị Hứa Thị P bỏ đi làm thuê thi thoảng về nhà thăm con, từ tháng 01 âm lịch năm 2018 chị Hứa Thị P bỏ đi đến nay không về lần nào nữa, anh Triệu Văn C đã nhiều lần sang nhà mẹ đẻ chị Hứa Thị P tìm vợ nhưng chị Hứa Thị P không chịu về và gia đình vợ không cho gặp nữa nên hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tuy nhiên, anh Triệu Văn C vẫn yêu thương vợ, muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái và không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung là Triệu Thị H và Triệu Văn C2 như chị Hứa Thị P đã trình bày. Nếu phải ly hôn, anh Triệu Văn C yêu cầu được trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và yêu cầu chị Hứa Thị P phải cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 1.500.000đ/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, yêu cầu chị Hứa Thị P cấp dưỡng luôn một lần toàn bộ số tiền cấp dưỡng ngay sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Anh Triệu Văn C và chị Hứa Thị P có 01 ngôi nhà cấp 4 tại thôn P, xã A, huyện V, hiện nay anh Triệu Văn C và các con đang trực tiếp sinh sống, quản lý, sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh Triệu Văn C trình bày năm 2007, chị Hứa Thị P đứng tên hộ gia đình vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V số tiền 35.000.000 đồng, mục đích vay để xây nhà ở tại thôn P, xã A, huyện V, số tiền này anh Triệu Văn C vay hộ người khác 10.000.000 đồng, gia đình anh Triệu Văn C vay 25.000.000 đồng. Anh Triệu Văn C đã một mình đi làm kiếm tiền trả nợ 18.000.000 đồng, còn lại 17.000.000 đồng đến năm 2018 anh Triệu Văn C đã gia hạn, đứng tên sổ vay nợ là Triệu Văn C, mục đích vay là trồng rừng hồi. Anh Triệu Văn C cho rằng, từ lúc chị Hứa Thị P bỏ nhà đi, anh đã phải tự nuôi dưỡng các con và trả nợ nên anh Triệu Văn C yêu cầu chị Hứa Thị P phải trả toàn bộ số nợ 17.000.000 đồng nêu trên bao gồm cả gốc và số lãi phát sinh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp có ý kiến tại công văn số 21/CV-NHCS ngày 01/02/2021 và Bản tự khai ngày 01/02/2021 trình bày: Ngày 23/8/2018 hộ gia đình anh Triệu Văn C và chị Hứa Thị P có vay nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V 17.000.000 đồng, mã khoản vay 600000713553815, thời hạn vay 60 tháng, hạn cuối cùng trả nợ là ngày 23/8/2023. Tính đến ngày 01/02/2021, hộ gia đình anh Triệu Văn C, chị Hứa Thị P còn nợ Ngân hàng 17.095.293 đồng bao gồm 17.000.000 đồng tiền gốc và 95.293 đồng tiền lãi. Ngân hàng yêu cầu anh Triệu Văn C và chị Hứa Thị P trả xong toàn bộ khoản nợ nêu trên cả gốc và lãi cho Ngân hàng trước khi ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2021, cháu Triệu Thị H và cháu Triệu Văn C2 đều có ý kiến mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nếu bố mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống cùng bố là Triệu Văn C.

Tòa án nhân dân huyện Văn Quan đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi các đương sự cư trú. Tại Công văn số 09/UBND ngày 08/01/2021 của Ủy ban nhân dân xã A cho biết anh Triệu Văn C và chị Hứa Thị P có kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 18/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã A), huyện V. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2010 do anh Triệu Văn C không cho vợ đi làm công ty. Từ năm 2018 đến nay thì anh Triệu Văn C và chị Hứa Thị P sống ly thân.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai nguyên đơn, bị đơn, con chưa thành niên, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành

tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hứa Thị P, xử cho chị Hứa Thị P được ly hôn anh Triệu Văn C. Về con chung, giao cho anh Triệu Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Triệu Thị H, sinh ngày 03/11/2007 và Triệu Văn C2, sinh ngày 12/01/2010 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Hứa Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con 1.000.000đ/tháng/con, phương thức cấp dưỡng theo tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về án phí, buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy chị Hứa Thị P và anh Triệu V đã kết hôn từ năm 2006 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã A), huyện V nên quan hệ hôn nh[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, vay nợ chung, bị đơn có nơi cư trú tại thôn P, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đầy đủ lời khai, ý kiến trình bày trong hồ sơ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa bị đơn Triệu Văn C yêu cầu hoãn phiên tòa, tuy nhiên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

ân là hợp pháp. Chị Hứa Thị P và anh Triệu Văn C đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều lần mâu thuẫn, cãi vã, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh Triệu Văn C cho rằng vẫn còn yêu thương vợ và không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng chị Hứa Thị P và anh Triệu Văn C trước khi kết hôn không được tìm hiểu, yêu đương nên quan hệ hôn nhân không bền chặt. Mặc dù đã có hai con chung nhưng cuộc sống vợ chồng không có sự quan tâm, yêu thương, thấu hiểu nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn với nhau, chị Hứa Thị P cho rằng đã bị chồng xô đẩy, đuổi đi nhiều lần, anh Triệu Văn C cũng cho rằng bị chị Hứa Thị P đánh nhiều lần nên mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, từ 2018 đến nay anh Triệu Văn C và chị Hứa Thị P đã sống ly thân với nhau, không có biện pháp nào để hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã nhiều lần hòa giải nhưng chị Hứa Thị P không nhất trí đoàn tụ, kiên quyết ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị

Hứa Thị P và anh Triệu Văn C đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hứa Thị P.

[4] Về con chung: Chị Hứa Thị P và anh Triệu Văn C có 02 con chung tên là Triệu Thị H, sinh ngày 03/11/2007 và Triệu Văn C2, sinh ngày 12/01/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Hứa Thị P giữ nguyên yêu cầu để anh Triệu Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Thị H và Triệu Văn C2 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn C cũng có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, nguyện vọng của cháu Triệu Thị H và Triệu Văn C2 đều mong muốn được sống cùng anh Triệu Văn C nếu bố mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bên, giao cho anh Triệu Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục hai con chung là Triệu Thị H và Triệu Văn C2 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên hòa giải ngày 05/02/2021 và tại phiên tòa hôm nay, chị Hứa Thị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng/con, anh Triệu Văn C yêu cầu chị Hứa Thị P cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng/con. Hội đồng xét xử xét thấy, tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Hứa Thị P đều khai không có việc làm mà chỉ làm ruộng vườn rồi đi làm thuê nên không có thu nhập ổn định, tại biên bản xác minh ngày 18/02/2021, UBND xã A cho biết chị Hứa Thị P hiện nay không có mặt tại địa phương, không biết làm công việc gì, anh Triệu Văn C cũng không chứng minh được chị Hứa Thị P có việc làm, thu nhập ổn định. Căn cứ công văn số 09/UBND ngày 08/01/2021 của Ủy ban nhân dân xã A xác định mức thu nhập bình quân trên đầu người trên địa bàn xã là 28.000.000 đồng/người/năm, như vậy mức thu nhập bình quân trên đầu người một tháng là 2.333.000 đồng/người/tháng. Chị Hứa Thị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 1.000.000 đồng/tháng/con là phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và phù hợp với điều kiện kinh tế của chị Hứa Thị P nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về thời điểm cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con do các bên không thỏa thuận được nên Hội đồng xét xử quyết định thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm, phương thức cấp dưỡng theo tháng cho đến khi cháu Triệu Thị H và Triệu Văn C2 đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung: Hai bên đương sự đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vay nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận trong quá trình chung sống hộ gia đình anh Triệu Văn C và chị Hứa Thị P có vay nợ Ngân hàng 35.000.000 đồng, đã thanh toán xong 18.000.000 đồng, còn nợ 17.000.000 đồng tiền gốc chưa thanh toán và tiền lãi 95.293 đồng tính đến ngày 01/02/2021. Tại phiên tòa, anh Triệu Văn C yêu cầu chị Hứa Thị P chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc 17.000.000 đồng và lãi phát sinh từ khoản vay nêu trên, chị Hứa Thị P yêu cầu mỗi vợ chồng chịu trách nhiệm trả một nửa khoản vay cả gốc và lãi. Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội

Việt Nam có ý kiến yêu cầu anh Triệu Văn C và chị Hứa Thị P có trách nhiệm cùng trả xong khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng trước khi ly hôn.

[8] Hội đồng xét xử thấy rằng, các bên đương sự đều thừa nhận khoản vay 17.000.000 đồng tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V chưa thanh toán xong cả gốc và lãi, mục đích vay là trồng rừng hồi, thời hạn vay 60 tháng, chưa đến hạn tất toán nên đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu anh Triệu Văn C và chị Hứa Thị P thanh toán xong nợ trước khi ly hôn là không có cơ sở. Chị Hứa Thị P và anh Triệu Văn C đều khẳng định đây là khoản nợ chung, vay để phục vụ sản xuất của gia đình. Hiện nay các tài sản chung đều do anh Triệu Văn C quản lý, sử dụng, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, việc chị Hứa Thị P yêu cầu hai vợ chồng mỗi người chịu trách nhiệm trả một nửa khoản nợ gốc và số lãi phát sinh từ khoản nợ gốc là có căn cứ, cần được chấp nhận. Anh Triệu Văn C cho rằng toàn bộ khoản vay 10.000.000 đồng và 8.000.000 đồng trước đây anh đã trả nên buộc chị Hứa Thị P chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ 17.000.000 đồng và số lãi phát sinh là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn không yêu cầu được miễn án phí nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hứa Thị P được ly hôn anh Triệu Văn C.

2. Về con chung: Giao cho anh Triệu Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Triệu Thị H, sinh ngày 03/11/2007 và Triệu Văn C2, sinh ngày 12/01/2010 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Hứa Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 1.000.000 đồng/tháng/con (*một triệu đồng/tháng/con*), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Hứa Thị P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Buộc chị Hứa Thị P có trách nhiệm trả nợ 8.500.000 đồng nợ gốc và số lãi phát sinh từ khoản nợ gốc này, anh Triệu Văn C có trách nhiệm trả nợ 8.500.000 đồng nợ gốc và số lãi phát sinh từ khoản nợ gốc này cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V theo hồ sơ vay vốn ngày 23/8/2018, mã khoản vay 600000713553815 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

5. Về án phí: Chị Hứa Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Hứa Thị P đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/04027 ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn, chị Hứa Thị P phải nộp tiếp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí để sung ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản ántrong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật,người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Thu Hường